

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án hình sự sơ thẩm

Số: 12/2024/HSST

Ngày 20/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành, bà Ngô Thị Hằng.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T: Bà Đoàn Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST-HS, ngày 31/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS, ngày 05/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn K, sinh năm 1972.

HKTT: Khu phố C, phường H, thị xã T, tỉnh B; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; G1 tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1937; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 4; vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974; có 03 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2024 đến ngày 29/8/2024, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên toà).

2. Đinh Thị T3, sinh năm 1981.

HKTT: Khu phố Đ T3, phường X, thị xã T, tỉnh B; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; G1 tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Bá S (đã chết) và bà Đinh Thị A, sinh năm 1959; gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ 2; chồng là Nguyễn Đình T4, sinh năm 1978 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 14/11/2022 bị Công an huyện T xử phạt 500.000đ về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt ngày 18/10/2022.

- Tại bản án số: 205/2024/HSST, ngày 12/11/2024 bị Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H2 xử phạt 06 tháng tù về tội “đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024 đến nay (có mặt tại phiên toà).

3. Nguyễn Đình Q, sinh năm 1971.

HKTT: Thôn Đ1, xã Đ2, thị xã T, tỉnh B; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; G1 tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1938 và bà Vương Thị C1, sinh năm 1943; gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ 3; vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2002.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2024 đến ngày 31/8/2024, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn G1, sinh năm 1980.

HKTT: Thôn Đ3, xã Đ2, thị xã T, tỉnh B; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; G1 tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1956 và bà Trần Thị Đ4, sinh năm 1955; gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ 2; vợ là Nguyễn Thị 3, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 21/12/2007 bị Công an quận Đ5, thành phố H2 xử phạt 750.000đ về hành vi “đánh bạc”.

- Ngày 28/3/2012 bị Công an quận H4, thành phố H2 xử phạt 1.500.000đ về hành vi “đánh bạc”.

- Ngày 02/11/2019 bị Công an xã Đ2 xử phạt 1.500.000đ về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt ngày 18/11/2019.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2024 đến ngày 31/8/2024, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Thị Phương A1, sinh năm 1975.

HKTT: Khu phố T6, phường T7, thị xã T, tỉnh B; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; nguyên Bí thư Chi bộ khu phố T6; là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); dân tộc: Kinh; G1 tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1948; gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ nhất; chồng là Nguyễn Huy C2 (đã chết); có 01 con sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2024 đến ngày 31/8/2024, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo K: Ông Nguyễn Việt K1, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

Địa chỉ: Số 08, đường P1, phường S1, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 28/8/2024, tại nhà Bùi Văn K ở khu phố C, phường H, thị xã T. Công an thị xã T bắt quả tang 04 đối tượng gồm: Nguyễn Thị Phương A1, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Đình Q và Đinh Thị T3 đang đánh bạc dưới hình thức

đánh phỏm được thua bằng tiền. Tại thời điểm bắt quả tang còn có Bùi Văn K (là chủ nhà), Nguyễn Văn N1, sinh năm 1971 và Nguyễn Việt Đ6, sinh năm 1972 cùng trú tại khu phố C, phường H, thị xã T đang ngồi xem mọi người đánh bạc. Thu giữ:

- + 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng.
 - + 01 vỏ chăn có nhiều họa tiết.
 - + 02 bộ bài tú lơ khơ loại mỗi bộ 52 quân (01 bộ có mặt lưng màu xanh vàng, 01 bộ có mặt lưng màu xanh trắng).
 - + Thu trước mặt Nguyễn Đình Q ngồi có 2.220.000đ.
 - + Trước mặt Đinh Thị T3 ngồi có 200.000đ.
 - + Trước mặt Nguyễn Văn G1 ngồi có 1.200.000đ.
 - + Số tiền 360.000đ bên trong 01 hộp tre tại chiếu bạc và vỏ chăn trải trên chiếu.
- Ngoài ra các đối tượng tự giao nộp:
- + Nguyễn Thị Phương A1 tự giác giao nộp 1.420.000đồng cất trong túi quần phía trước bên trái.
 - + Nguyễn Đình Q tự giác giao nộp số tiền 2.010.000đ ở túi quần phía trước bên phải.
 - + Nguyễn Việt Đ6 tự giác giao nộp số tiền 1.100.000 đồng ở túi quần phía trước bên phải.
 - + Nguyễn Văn N1 tự giác giao nộp số tiền 29.575.000 đồng ở túi quần phía trước bên phải.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 08h30' ngày 28/8/2024, Bùi Văn K đang ở nhà thì Nguyễn Thị Phương A1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Đình Q, Đinh Thị T3 đến ngồi chơi uống nước tại phòng khách tầng 1 nhà K. Tại đây Q, G1, Phương A1 và T3 rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền. K đồng ý và chuẩn bị 02 bộ bài tú lơ khơ để ở nóc tủ. Phương A1 lấy 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chăn ở ghế trải xuống chiếu đã trải sẵn dưới nền nhà để mọi người đánh bạc. Các bị cáo chơi đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm, sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ loại 52 quân để chơi. Khi chơi sẽ chia thành 4 phần bài, mỗi phần bài có 9 quân bài, ai đánh trước thì có 10 quân bài, phần còn lại là phần lọc. Nếu ai về nhất thì người về nhì phải trả 20.000đ, người về ba phải trả 40.000đ, người về bét phải trả 60.000đ, ai móm phải trả 80.000đ. Khi người được ù thì những người chơi còn lại mỗi người phải trả cho người ù 100.000đ. Ai ù thì sẽ bỏ ra 20.000đ vào hộp tre trên chiếu bạc cho K chủ nhà. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì có Nguyễn Việt Đ6 đến ngồi xem mọi người đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì bị Công an thị xã T bắt quả tang.

Số tiền các bị cáo đánh bạc như sau:

Nguyễn Đình Q có 3.700.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Q bỏ ra trước số tiền 1.690.000đ để đánh bạc, còn 2.010.000đ cất ở túi quần phía sau bên phải, nếu thua sẽ sử dụng nốt số tiền còn lại để đánh bạc. Q chơi có ván thắng, ván thua. Khi bị bắt Q thắng 530.000đ và bị thu giữ số tiền 2.220.000đ, Q tự giác giao nộp số tiền 2.010.000đ.

Nguyễn Văn G1 có 1.800.000đ, G1 sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. G1 chơi có ván thắng, ván thua. Khi bị bắt G1 thua 600.000đ, còn lại 1.200.000đ bị thu giữ.

Đinh Thị T3 có 460.000đ sử dụng toàn bộ để đánh bạc. T3 đánh bạc có ván thắng, ván thua đến. Khi bị bắt T3 thua 260.000đ, còn lại 200.000đ bị thu giữ.

Nguyễn Thị Phương A1 có 1.600.000đ sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Phương A1 thua 180.000đ và cất giấu số tiền 1.420.000đ vào túi quần bên trái và tự giác giao nộp cho Công an.

Bùi Văn K không tham gia đánh bạc, tuy nhiên K đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà của mình và chuẩn bị 02 bộ bài lơ khơ, 01 chiếu; 01 chăn để các đối tượng đánh bạc tại phòng khách tầng 1. Trước khi các đối tượng đánh bạc K có 120.000đ đựng trong hộp làm bằng tre tại phòng khách. Khi bắt quả tang trong hộp tre có 360.000đ, K được hưởng số tiền 240.000đ.

Bản cáo trạng số: 135/CT-VKSTT, ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố Bùi Văn K, Đinh Thị T3, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn G1 và Nguyễn Thị Phương A1 về tội “đánh bạc”, theo khoản 1, điều 321 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T duy trì quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bùi Văn K, Đinh Thị T3, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn G1 và Nguyễn Thị Phương A1 về tội “đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, điều 321; điều 38; điểm s, khoản 1, điều 51; điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Đinh Thị T3 từ 07 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

Áp dụng khoản 1, điều 321; điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 điều 51 (áp dụng điểm p, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự đối với K); điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Văn K, Nguyễn Văn G1 mỗi bị cáo từ 07 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng.

Áp dụng khoản 1, điều 321; điều 35; điểm i, s, khoản 1, 2 điều 51 (áp dụng điểm v, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự đối với Phương A1); điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị Phương A1 mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ về tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 3, điều 321 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo T3, G1 mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 7.290.000đ.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn K số tiền 120.000đ.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng.

+ 01 vỏ chăn nhiều họa tiết.

+ 02 bộ bài tú lơ khơ loại mỗi bộ 52 quân (01 bộ có mặt lưng màu xanh vàng, 01 bộ có mặt lưng màu xanh trắng).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn K phát biểu: Nhất trí với cáo trạng đã truy tố bị cáo K là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, bản thân là đối tượng khuyết tật đang được hưởng trợ cấp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điều 321; điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K mức án thấp nhất. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Các bị cáo nhận tội, bị cáo K nhất trí với bản bào chữa không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trên đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, vật chứng thu được và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ 08h30' đến 11h ngày 28/8/2024 tại phòng khách tầng 1 nhà Bùi Văn K ở khu phố C, phường H, thị xã T. Nguyễn Đình Q, Đinh Thị T3, Nguyễn Văn G1 và Nguyễn Thị Phương A1 đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm, tổng số tiền các đối tượng đánh bạc là 7.290.000đ. Bị cáo Bùi Văn K là chủ nhà, mặc dù bị cáo không tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình và chuẩn bị 02 bộ bài lơ khơ, 01 chiếu, 01 chăn để các bị cáo đánh bạc tại phòng khách tầng 1 nhà của mình và được hưởng lợi số tiền 240.000đ, do vậy bị cáo K là đồng phạm tội đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội đánh bạc, phạm vào khoản 1, điều 321 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp sát phạt, bóc lột nhau bằng tiền, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thị xã T, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng. Đây là một trong những tệ nạn xã hội bị lên án, dư luận xã hội đòi hỏi phải xử lý nghiêm, bởi vậy cần phải có một hình phạt nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét về vai trò các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc và có vai trò ngang nhau, số tiền đánh bạc hơn kém nhau không nhiều, do vậy khi quyết định hình phạt, cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng nhau.

Xét về nhân thân bị cáo Đinh Thị T3 thì thấy: Ngày 14/11/2022 bị Công an huyện T xử phạt 500.000đ về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt ngày 18/10/2022. Ngày 26/6/2024 phạm tội đánh bạc. Tại bản án số: 205/2024/HSST, ngày 12/11/2024 bị

Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H2 xử phạt 06 tháng tù về tội “đánh bạc”. Bị cáo không từ bỏ đam mê cờ bạc mà tiếp tục phạm tội, bởi vậy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo Nguyễn Văn G1 thì thấy: Năm 2007, năm 2012 và năm 2019 bị xử phạt hành chính về hành vi “đánh bạc”. Bị cáo không từ bỏ đam mê cờ bạc mà vẫn tiếp tục đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương A1 là cán bộ đảng viên, là bí thư Chi bộ khu phố T6, phường T7, bị cáo không gương mẫu chấp hành pháp luật mà phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Đình Q do đua đòi, thích sát phạt nhau trái phép nhằm hưởng lợi bất chính mà phạm tội.

Bởi vậy cũng cần phải có một hình phạt nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Bùi Văn K, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị Phương A1 đều chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đình Thị T3 và Nguyễn Văn G1 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương A1 là Bí thư Chi bộ khu phố T6 có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng nhiều bằng khen, giấy khen, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bùi Văn K bị tai biến nhồi máu não, liệt nửa người có giấy xác nhận khuyết tật đặc biệt nặng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn G1 có công với cách mạng. Bố bị cáo được tặng thưởng nhiều Huân chương chiến công.

Gia đình bị cáo Nguyễn Đình Q có công với cách mạng, bố bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến.

Các bị cáo G1, Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, do vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, không cần thiết phải cách ly các bị cáo K, G1 ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương và áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Q, Phương A1 cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù cần áp dụng khoản 3, điều 321 Bộ luật hình sự phạt bị cáo T3 và G1 một khoản tiền sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo K bị tai biến nhồi máu não, liệt nửa người có giấy xác nhận khuyết tật đặc biệt nặng, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Xét thấy số tiền 7.290.000đ thu giữ khi đánh bạc, là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc nhựa, 01 vỏ chăn và 02 bộ Q bài tú lơ khơ là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo Bùi Văn K số tiền 120.000đ, xét thấy đây là số tiền hợp pháp của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn N1, Nguyễn Việt Đ6 quá trình điều tra xác định N1 và Đức chỉ ngồi xem các bị cáo đánh bạc, N1 và Đ6 không tham gia đánh bạc, nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Khi Bùi Văn K cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, các thành viên khác trong gia đình K đều không biết. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo T3, Q, G1, Phương A1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K, Đinh Thị T3, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Đình Q và Nguyễn Thị Phương A1 phạm tội “đánh bạc”:

Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điều 38; điểm s, khoản 1, điều 51; điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 1, 3 điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt: Đinh Thị T3 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày 20/11/2024 để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, điều 321; điều 35; điểm i, s, khoản 1, 2 điều 51; điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự (điểm v, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phương A1):

Xử phạt: Nguyễn Đình Q và Nguyễn Thị Phương A1 mỗi bị cáo 20.000.000đ về tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1, điều 321; điều 65; điểm i, s, p, khoản 1, 2 điều 51; điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bùi Văn K 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 điều 51; điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn G1 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Bùi Văn K cho UBND phường H, thị xã T, tỉnh B nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Nguyễn Văn G1 cho UBND xã Đ2, thị xã T, tỉnh B nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2, điều 106; điểm a, khoản 3, điều 106; điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 7.290.000đ.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn K số tiền 120.000đ.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng.

+ 01 vỏ chăn nhiều họa tiết.

+ 02 bộ bài tú lơ khơ loại mỗi bộ 52 quân (01 bộ có mặt lưng màu xanh vàng, 01 bộ có mặt lưng màu xanh trắng).

Bị cáo T3, Q, G1, Phương A1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo K.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND t.x T.
- THADS t.x T.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Ngọc Anh